TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HOÀN KIẾM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*** ----------

Bản án số: 30/2021/DS-ST
Ngày: 23/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hường

*Các hội thẩm nhân dân**:*** Bà Nguyễn Thị Diệp Anh

Ông Lê Hổ Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án dân sự đã thụ lý số 48/TLST-DS ngày 26/10/2020 về việc ‘‘tranh chấp hợp đồng vay tiền’’ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/QĐXX-ST ngày 05/10/2021 và các quyết định hoãn phiên tòa số 86/2021/QĐST-DS ngày 29/10/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 102/2021/QĐST-DS ngày 24/11/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Nguyệt M**, sinh năm 1956

Địa chỉ: Số 44, ngõ 165 đường G, phường Giáp Bát, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: - Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973

- **Chị Trương Thị Thanh U**, sinh năm 1979.

Cùng HKTT: Số 90B3 phố Đ, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện tại: Số 9 ngõ 73 phố H, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa có mặt bà M. Anh T, chị U vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình chị Nguyễn Nguyệt M trình bày: Anh Nguyễn Văn T (là em trai chồng tôi) và vợ là chị Nguyễn Thị Thanh U đã vay của tôi số tiền 2.700.000.000 đồng (hai tỷ bẩy trăm triệu), vào ngày 21/06/2019.

Số tiền trên cả anh T và chị U đứng lên vay chung, tôi đã giao đủ 2.700.000.000 đồng cho anh T và chị U làm nhiều lần mỗi lần đều có mặt cả anh T và chị U. Anh T là người đứng ra viết giấy vay nợ này sau đó anh T, chị U ký phần bên vay. Địa điểm viết giấy vay nợ ở trên xe ô tô của anh T. Sau khi anh T, chị U ký tên bên vay tiền, tôi ký tên bên cho vay thì tôi cùng anh T, chị U mang theo giấy vay tiền này đến hiệu phô tô ở phố Kim Đồng, địa chỉ cụ thể tôi không nhớ. Sau khi phô tô giấy vay tiền, tôi giữ lại bản gốc, anh T và chị U giữ bản phô tô. Tôi thấy khoản vay lớn nên nhờ chính cô gái phô tô giấy vay tiền cho chúng tôi đứng ra ký tên chứng kiến trong giấy vay tiền, cô gái đó đồng ý ký chứng kiến, cô gái này tên là Trang và ký tên là Nguyễn Thị Trang trong giấy vay tiền. Thời điểm cô Trang ký tên chứng kiến trong giấy vay tiền có mặt tôi, chị U và anh T. Sau đó tôi về nhà và xem lại giấy vay này, tôi thấy giấy vay tiền này viết ẩu nên tôi gọi điện yêu cầu anh T và chị U viết lại giấy vay tiền cho tôi. Chiều ngày 21/6/2019 anh T, chị U có đến gặp tôi và viết lại cho tôi giấy vay tiền trên tách thành 3 giấy vay với tổng số tiền 2.700.000.000 đồng cụ thể như sau:

- Giấy vay tiền trong đó thông tin bên vay: Nguyễn Văn T, thông tin bên cho vay: Nguyễn Nguyệt M đề ngày 21/06/2019 với số tiền vay là 650.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng, kể từ ngày 21/6/2019, giấy vay tiền này do anh Nguyễn Văn T tự viết và ký vào bên vay, có người làm chứng là chị Nguyễn Thị Trang

- Giấy vay tiền trong đó thông tin bên vay: Nguyễn Văn T, thông tin bên cho vay: Nguyễn Nguyệt M đề ngày 21/06/2019 với số tiền vay là 1.050.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng, kể từ ngày 21/6/2019, giấy vay tiền này do anh Nguyễn Văn T tự viết và ký vào bên vay, có người làm chứng là chị Nguyễn Thị Trang

- Giấy vay tiền trong đó thông tin bên vay: Nguyễn Văn T, thông tin bên cho vay: Nguyễn Nguyệt M đề ngày 21/06/2019 với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng; thời hạn vay 09 tháng, kể từ ngày 21/6/2019, giấy vay tiền này do anh Nguyễn Văn T tự viết và ký vào bên vay, có người làm chứng là chị Nguyễn Thị Trang

03 giấy vay tiền trên do anh T viết. Sở dĩ trong ba giấy vay tiền sau chị U không ký do lúc anh T viết xong thì chị U đã đi ra ngoài, sau đó tôi bảo anh T nói chị U ký vào 3 giấy vay tiền sau nhưng anh T trả lời chị U không ký nữa.

Từ tháng 01/2020 đến nay, tôi đã nhiều lần yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Trương Thị Thanh U trả cho tôi số tiền gốc đã vay và lãi vay trên nhưng cả hai anh, chị đều trốn tránh, không nhận điện thoại, tin nhắn nhằm lừa đảo, chiếm đoạt số tiền đã vay của tôi.

- Về nguồn gốc số tiền 2.700.000.000 đồng tôi cho anh T, chị U vay: là do tôi đi vay của bạn bè tôi. Đây là khoản tiền tôi vay riêng cho tôi, chồng tôi là anh Nguyễn Kim Thành, sinh năm 1958 không liên quan gì đến đến số tiền này.

Từ sau khi vay đến nay anh T, chị U chưa trả cho tôi tiền gốc, về tiền lãi: Trong khoảng thời gian từ 22/7/2019 đến 20/1/2020 anh T chị U đã trả cho tôi một số tiền lãi, con số cụ thể tôi không nhớ nhưng theo lãi suất ngân hàng chứ không phải theo lãi suất trong giấy vay tiền. Vì vậy tôi không yêu cầu tính lãi trong khoảng thời gian từ 22/7/2019 đến 20/1/2020.

Tôi đã được sao chụp lời khai của chị Trương Thị Thanh U, đối với ý kiến của chị U tôi có ý kiến như sau: chị U nói khoản vay 2.700.000.000 đồng là khoản vay riêng của anh T, chị không nhận tiền, không liên quan là không đúng. Tôi khẳng định khoản vay 2.700.000.000 đồng là khoản vay chung của anh T, chị U. Anh T là người viết giấy vay tiền, anh T, chị U đã đọc lại kỹ rồi mới ký vào bên vay tiền. Trách nhiệm trả tiền vay thuộc về cả anh T và chị U.

Nay tôi yêu cầu anh T, chị U trả cho tôi số tiền: nợ gốc: 2.700.000.000 (hai tỷ bảy trăm triệu) đồng. Tiền lãi tính từ ngày 21/1/2020 đến khi anh T, chị U trả tiền cho tôi với mức lãi suất ghi trong giấy vay tiền là 1,2%/ tháng. Tạm tính đến ngày hôm nay 21/7/2021 là 18 tháng (từ 21/1/2020 đến 21/7/2021) số tiền lãi là: 2.700.000.000 đồng x 1,2%/ tháng x 18 tháng = 583.200.000 đồng . Tổng cộng là: 3.283.200.000 đồng

Quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn - chị Trương Thị Thanh U trình bày:

Tôi tên là Trương Thị Thanh U (là vợ anh Nguyễn Văn T), tôi hay viết tắt là Trương Thanh U. Việc anh T vay tiền của chị M và chị M giao tiền cho anh T bao nhiêu tiền tôi không biết.

- Đối với giấy vay tiền đề ngày 21/6/2019: thông tin bên vây là ông Nguyễn Văn T, bà Trương Thị Thanh U, thông tin bên cho vay là Nguyễn Nguyệt M, số tiền vay lần lượt là 1.050.000.000 đồng, 650.000.000 đồng, 1.000.000.000 đồng. Đối với 3 giấy vay tiền này tôi không biết là ai viết, viết khi nào.

- Đối với giấy vay tiền đề ngày 21/6/2019: thông tin bên vay là Nguyễn Văn T, thông tin bên cho vay là Nguyễn Nguyệt M, số tiền vay là 2.700.000.000 đồng, mục đích vay: kinh doanh. Tôi khẳng định người viết giấy vay này là anh Nguyễn Văn T, sở dĩ tôi ký vào cuối giấy vay tiền phía bên vay có chữ ký và chữ viết Trương Thanh U bên dưới là do tôi chỉ xác nhận câu của anh T viết bên trên chữ ký của tôi "tôi sẽ chịu trách nhiệm việc trả nợ" để xác định anh T trả nợ toàn bộ khoản vay 2.700.000.000 đồng trên, còn bản thân tôi không nhận bất cứ khoản tiền

nào trong tổng số tiền 2.700.000.000 đồng. Lúc anh T viết xong giấy, ký tên thì không có người làm chứng. Phần ký tên người làm chứng là Nguyễn Thị Trang thì tôi không biết là ai và ký vào thời điểm nào.

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị M: Việc anh T vay của chị M như thế nào tôi không biết, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị M buộc cả tôi và anh T trả 2.700.000.000 đồng. Việc trả nợ trên thuộc trách nhiệm của anh T, tôi không nhất trí trả tiền lãi. Tôi xác định là tôi không vay, không sử dụng và cũng không biết khoản vay đã trả bao nhiêu. Do tính chất công việc, tôi xin vắng mặt trong các buổi làm việc, hòa giải, xét xử.

Tại phiên tòa:

Chị M đề nghị anh T và chị U phải trả chị 2.700.000.000 đồng tiền gốc, lãi suất 1,2%/tháng tính từ 22/12/2019 đến ngày 22/3/2020. Lãi suất tính từ ngày 23/3/2020 đến ngày 23/12/2021 là 10%/năm tương đương 0.83%/tháng. Tổng cả gốc và lãi là 3.222.990.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng là nguyên đơn: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn: Tòa án đã giao các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Về thời hạn giải quyết: Tòa án đã vi phạm thời hạn giải quyết vụ án. Về nội dung: đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị M đối với anh T, chị U. Buộc anh T chị U phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về quan luật hệ pháp: Chị M khởi kiện anh Nguyễn Văn T và chị Trương Thị Thanh U về việc kiện đòi tiền cho vay, nên theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

***Về thẩm quyền*:** Hiện nay anh Nguyễn Văn T và chị Trương Thị Thanh U trú tại số 09, ngõ 73 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, nên theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

Về thời hiệu: Ngày 21/6/2021 chị M cho anh T, chị U vay tiền, đến ngày 21/1/2020 anh T, chị U không trả tiền cho chị M. Ngày 15/6/2020 chị M khởi kiện, nên theo quy định của pháp luật: còn thời hiệu.

Xét về nội dung:

- Đối với giấy vay tiền viết ngày 21/6/2019: Theo chị M khai anh T và chị U đã nhiều lần vay tiền của chị, đến ngày 21/6/2019 thì anh T, chị U viết giấy vay tiền có nợ chị 2.700.000.000 đồng, cả anh T và chị U đều ký nhận vào bên vay, nên khẳng định anh T và chị U có vay của chị M 2.700.000.000 đồng. Đối với giấy vay tiền này hai bên không thỏa thuận về thời hạn vay, lãi suất vay, nên nay chị M khởi kiện yêu cầu anh T, chị U phải trả nợ chị 2.700.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo lời khai của chị U xác định anh T có viết giấy vay tiền trên và anh T xác nhận sẽ chịu trách nhiệm việc trả nợ khoản vay, chị chỉ ký xác nhận phía dưới của anh T về việc anh T xác nhận sẽ chịu trách nhiệm việc trả nợ khoản vay là không có căn cứ vì giấy vay nợ trên do anh T viết nhưng thông tin bên vay là anh T và chị U và chị cũng đã ký xác nhận vào bên vay nên chị phải có trách nhiệm trả nợ chung cùng anh T số tiền đã vay của chị M.

- Đối với yêu cầu tính lãi của chị M: Theo chị M khai, sau khi anh T và chị U ký giấy vay tiền 2.700.000.000 đồng trên thì chị yêu cầu anh T và chị U ký lại thành 3 giấy vay tiền khác với số tiền 1.050.000.000 đồng, 650.000.000 đồng, 1.000.000.000 đồng, thời hạn vay 9 tháng kể từ ngày 21/6/2019, lãi suất 1,2%/tháng.

Cả 3 giấy vay này đều không có chữ ký của chị U, chị đã yêu cầu chị U ký nhưng chị U không ký. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho anh T nhiều lần nhưng anh T không có mặt tại Tòa án, còn chị U không xác nhận lại 3 giấy vay tiền viết lại về sau này nhưng theo chị M khai 03 giấy vay tiền lại viết tách từ giấy vay tiền 2.700.000.000 mà anh T đã xác nhận có khoản lãi, nên đối với yêu cầu tính lãi của chị M là có căn cứ, anh T và chị U phải trả chị M khoản tiền lãi là có căn cứ. Trong giấy biên nhận anh T thỏa thuận phải trả lãi cho chị M 09 tháng, lãi suất 1,2%;

Xét thấy sự thỏa thuận về lãi giữa anh T và chị M là phù hợp với quy định của pháp luật nên anh T, chị U phải trả chị M tiền lãi theo thỏa thuận là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình vay nợ, theo chị M khai: anh T và chị U đã trả chị được 06 tháng tiền lãi tính từ lúc vay đến 21/12/2019, hiện anh T chị U còn chưa trả 03 tháng tiền lãi là 1,2% trên số nợ gốc là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay chị M đề nghị anh T, chị U phải trả chị lãi tính từ ngày 23/3/2020 đến 23/12/2021 là có căn cứ theo quy định tại khoản 5 điều 466 và khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Tiền lãi anh T, chị U phải trả chị M từ 22/12/2019 đến 22/3/2020 là:

2.700.000.000 đồng x 1,2%/tháng x 3 tháng = 97.200.000 đồng

Tiền lãi anh T, chị U phải trả chị M từ 23.3.2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 23.12.2021 là19 tháng là:

2.700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 19 tháng = 425.790.000 đồng

Tổng lãi anh T, chị U phải trả chị M là 97.200.000 đồng + 425.790.000 đồng đồng = 522.990.000 đồng

Tổng gốc và lãi anh T, chị U phải trả chị M là 2.700.000.000 đồng + 522.990.000 đồng = 3.222.990.000 đồng

Về án phí: Anh T, chị U phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 72.000.000 đồng + 2% x 1.222.990.000 đồng = 96.459.800 đồng

Bởi những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điều 357, điều 463, điều 466, khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39, điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Nguyệt M. Buộc anh Nguyễn Văn T, chị Trương Thị Thanh U phải trả chị Nguyễn Nguyệt M 2.700.000.000 đồng tiền gốc.

Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả chị Nguyễn Nguyệt M tiền lãi đối với số nợ gốc 2.700.000.000 đồng tính đến ngày xét xử là 522.990.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi anh Nguyễn Văn T, chị Trương Thị Thanh U phải trả chị Nguyễn Nguyệt M 3.222.990.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T, chị U phải nộp 96.459.800 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị U vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- *Nguyên đơn, bị đơn*
- *VKSND quận Hoàn Kiếm + HN*
- *TAND Tp Hà Nội.*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng TAND quận Hoàn Kiếm*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu Hường

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hường